

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-ST.

Ngày: 12-5-2020.

"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Phụng.

2. Ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long - tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án, thụ lý số: 15/2020/TLST-DS, ngày 20/01/2020, về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu P, sinh năm 1982 (vắng mặt). Địa chỉ: đường X, phường Y, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện hợp pháp của bà P: Chị Lê Phương C, sinh năm 1987 (có mặt). Địa chỉ: đường H, phường T, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (Theo Ủy quyền ngày 16/12/2019 do Văn phòng Công chứng Trần Thị Minh công chứng).

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1964. Địa chỉ: khóm X, phường B, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 của bà Trần Thị Thu P và các lời trình bày tiếp theo của chị C đại diện ủy quyền của bà P trình bày:

Ngày 12/6/2019 bà P cho bà Đ vay 30.000.000 đồng có làm Hợp đồng vay tiền, thời hạn thanh toán ngày 12/12/2019, không ghi lãi suất vay trong hợp đồng. Ngày 28/6/2019, bà P tiếp tục cho bà Đ vay 50.000.000 đồng có làm Hợp đồng vay tiền, thời hạn thanh toán ngày 12/12/2019, không ghi lãi suất vay trong hợp đồng. Đến ngày 29/7/2019 bà P cho bà Đ vay 70.000.000 đồng có làm Hợp đồng vay tiền, thời hạn thanh toán ngày 12/12/2019, không ghi lãi suất vay. Mặc dù trong hợp đồng không ghi lãi suất vay nhưng bà P cho rằng có thỏa thuận miệng lãi suất với bà Đ là 3%/tháng. Các hợp đồng vay không có thế chấp tài sản. Mục đích bà Đ vay là để xoay vốn làm ăn.

Sau khi vay thì bà Đ không đóng lãi và không trả vốn cho bà P nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ phải trả số vốn vay cho bà P là 150.000.000 đồng, trả tiền lãi của các hợp đồng vay với mức lãi suất 1.66%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 25.126.000đ.

Tại tòa, chị C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Đ phải trả vốn vay là 150.000.000đ và tiền lãi vay đến ngày xét xử được tạm tính là 25.126.000đ, trường hợp số tiền lãi được Tòa án điều chỉnh lại cao hơn bà P yêu cầu được nhận hoặc thấp hơn số tiền lãi tạm tính bà P cũng đồng ý. Bà P không thừa nhận lời trình bày của bà Đ cho rằng đã đóng lãi cho bà P các khoản vay trên và không đồng ý bà Đ trả dần số nợ vay.

Bị đơn bà Võ Thị Ngọc Đ trình bày: Bà Đ có vay tiền của bà P 03 lần theo các hợp đồng vay ngày 12/6/2019, ngày 28/6/2019 và 29/7/2019 với tổng số tiền vay là 150.000.000 đồng. Bà Đ thừa nhận các hợp đồng do bà P cung cấp là chữ ký của bà Đ. Sau khi vay bà Đ có đóng tiền lãi cho bà P hàng tháng nhưng khi đóng lãi bà P không có ký nhận và không ai chứng kiến. Nay bà Đ đồng ý trả cho bà P số tiền vốn vay 150.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả tiền lãi. Bà Đ cho rằng do hoàn cảnh bà khó khăn không có tiền trả nợ nên yêu cầu trả dần số vốn vay là 4.000.000đồng/tháng cho đến khi thanh toán xong 150.000.000 đồng. Bà Đ không đồng ý trả tiền lãi của số tiền vay trên.

Tại Tòa bà Đ trình bày: Thừa nhận còn nợ gốc 150.000.000đ, đề nghị không trả tiền lãi vì bà đã trả lãi rất nhiều với mức lãi tính trên tiền vay tương ứng (ví dụ: 10.000.000đ thì đóng lãi mỗi ngày 100.000đ (30%/tháng) tuy nhiên bà P không ký nhận khi nhận tiền lãi nên bà Đ không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Bà Đ yêu cầu được trả dần số tiền trên do bà không có khả năng trả một lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu P khởi kiện bà Võ Thị Ngọc Đ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Võ Thị Ngọc Đ cư ngụ tại số 32/6 khóm X, phường B, thành phố VL, tỉnh Vĩnh

Long nên Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét các Hợp đồng vay ngày 12/6/2019; ngày 28/6/2019 và ngày 29/7/2019 được xác lập giữa bà P và bà Đ thể hiện bà Đ có vay của bà P các khoản tiền 30.000.000đ; 50.000.000 đồng và 70.000.000 đồng. Bà Đ thừa nhận các hợp đồng vay trên do bà nhận tiền, ký tên người nhận và thừa nhận còn nợ bà P số tiền vốn vay 150.000.000 đồng cho nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các hợp đồng vay trên là hợp đồng vay có thời hạn, trong hợp đồng không ghi lãi suất nhưng lời trình bày các bên đều thừa nhận hợp đồng vay có lãi tuy nhiên các bên trình bày mức lãi suất cho vay không thống nhất. Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng vay được xác lập giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có thời hạn, có lãi suất. Sau khi nguyên đơn khởi kiện bị đơn thừa nhận đến hạn vay nhưng chưa thanh toán vốn vay là vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận khi giao kết hợp đồng, do đó yêu cầu của nguyên đơn phù hợp Điều 466 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất vay: Trong các hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết đều không xác định rõ lãi suất, lời khai của nguyên đơn trình bày có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, lời khai của bị đơn khai lãi suất vay ngày trên từng khoản tiền vay, do không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 468 giải quyết tranh chấp lãi suất giữa các đương sự là 0.83%/tháng. Căn cứ khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tiền lãi của các hợp đồng vay được tính như sau:

- Hợp đồng vay ngày 12/6/2019: lãi trên nợ gốc được điều chỉnh: $30.000.000đ \times 6 \text{ tháng} \times 0.83\%/tháng = 1.494.000đ$; lãi chậm trả nợ lãi vay trong 06 tháng từ 12/6/2019 đến 12/12/2019 là: $249.000đ \times 0.83\% \times 1 \text{ tháng} = 2.066đ$; $\times 2 \text{ tháng} = 4.132đ$; $\times 3 \text{ tháng} = 6.200đ$; $\times 4 \text{ tháng} = 8.266đ$; $\times 5 \text{ tháng} = 10.333đ$; $\times 6 \text{ tháng} = 12.400đ$; từ ngày 12/12/2019 đến ngày 12/5/2020 là 5 tháng: $1.494.000đ \times 0.83\% \times 5 \text{ tháng} = 62.000đ$, tổng cộng $43.400đ + 62.000đ = 105.400đ$. Lãi nợ gốc quá hạn: $30.000.000đ \times 0.83\% \times 150\% \times 5 \text{ tháng} = 1.867.500đ$. Tổng cộng vốn lãi phải thanh toán: 33.466.900đ;

- Hợp đồng vay ngày 28/6/2019: lãi trên nợ gốc được điều chỉnh: $50.000.000đ \times 5 \text{ tháng} 14 \text{ ngày} \times 0.83\% = 2.268.200đ$; lãi chậm trả nợ lãi từ 28/6/2019 đến 12/12/2019 là 5 tháng 14 ngày là: $415.000đ \times 0.83\% \times 1 \text{ tháng} = 3.444đ$; $\times 2 \text{ tháng} = 6.889đ$; $\times 3 \text{ tháng} = 10.332đ$; $\times 4 \text{ tháng} = 13.776đ$; $\times 5 \text{ tháng} = 17.220đ$; $\times 14 \text{ ngày} = 1.607đ$; từ ngày 12/12/2019 đến 12/5/2020 là 5 tháng: $2.268.200đ \times 0.83\% \times 5 \text{ tháng} = 94.130đ$, tổng cộng $72.325đ + 94.130đ = 166.455đ$. Lãi nợ gốc quá hạn: $50.000.000đ \times 0.83\% \times 150\% \times 5 \text{ tháng} = 3.112.500đ$. Tổng cộng vốn lãi phải thanh toán: 55.474.830đ;

- Hợp đồng vay ngày 29/7/2019: lãi trên nợ gốc được điều chỉnh: $70.000.000đ \times 4 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} \times 0.83\% = 2.575.550đ$; lãi chậm trả nợ lãi từ 29/7/2019 đến 12/12/2019 là $581.000đ \times 0.83\% \times 1 \text{ tháng} = 4.822đ$; $\times 2 \text{ tháng} = 9.644đ$; $\times 3 \text{ tháng} = 14.466đ$; $\times 4 \text{ tháng} = 19.288đ$; $\times 13 \text{ ngày} = 2.080đ$; từ ngày

12/12/2019 đến ngày 12/5/2020 là 5 tháng: $2.575.550đ \times 0.83\% \times 5 \text{ tháng} = 106.900đ$, tổng cộng: $106.900đ + 50.300đ = 157.200đ$. Lãi nợ gốc quá hạn: $70.000.000đ \times 0.83\% \times 150\% \times 5 \text{ tháng} = 4.357.500đ$. Tổng cộng vốn lãi phải thanh toán: 77.090.250đ.

Các khoản vốn vay lãi phải thanh toán: $33.466.900đ + 55.474.830đ + 77.090.250đ = 166.031.900đ$.

[3.3] Đối với lời khai của bị đơn cho rằng đã đóng lãi suất cho nguyên đơn nhiều lần nhưng bà Đ không giao nộp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày, phía nguyên đơn cũng không thừa nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3.4] Đối với yêu cầu trả dần của bà Đ nguyên đơn không đồng ý, theo hợp đồng vay các bên không có thỏa thuận trả dần và đã quá thời hạn giao kết hợp đồng nên không đủ cơ sở xem xét chấp nhận.

[4] Về án phí: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị đơn bà Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Nguyên đơn bà P không phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu P.

Buộc Võ Thị Ngọc Đ phải trả cho bà P số tiền vốn vay theo các biên nhận vay ngày 12/6/2019 là 30.000.000đ; ngày 28/6/2019 là 50.000.000đ; ngày 29/7/2019 là 70.000.000đ và tiền lãi của các khoản tiền vay trên là 16.031.900đ, tổng cộng tiền vốn lãi bà Đ phải thanh toán là 166.031.900đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu không trăm ba mươi một ngàn chín trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc Đ phải chịu 8.302.000 đồng (Tám triệu ba trăm lẻ hai ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Bà Trần Thị Thu P không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 02/01/2020 là 4.075.000 đồng theo biên lai thu số N₀ 0005128 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa

hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân TPVL;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPVL;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung